

## LUẬN ĐẠI BẢO TÍCH KINH

### QUYỂN 3

Không chấp ngã thì làm sao giải thích thành người vô ngã, dùng một tướng thị hiện mà giác ngộ. Trong đấy, vì có sự giác ngộ này, nên nói không thường xuyên quán sát biết trở lại trong ba thứ việc kia. Phàm phu chấp giữ là do họ thường không nhận thấy, phàm phu đã cố chấp thì tự họ ôm lấy tướng khác của mình.

Ấm là vô thường v.v... làm thế nào giải thích nó là pháp không cũng do một tướng thị hiện nhưng không giác ngộ, cho là chẳng quán sát vô thường? Biết mình không giác ngộ nên trở lại với lý vô thường đó, cả trong, ngoài và hai trung gian. Phàm phu này đã chấp giữ vào tướng thể tánh giả nói mà họ không biết. Đã chấp như vậy, vì biết vô thường cũng không thể nói được, nên họ bằng lòng sống một cách tạm bợ như vậy. Do vậy, làm sao giảng giải pháp là vô ngã? Chỉ cho họ giác ngộ một tướng? Do có sự ngộ biết trên, nên những gì mà họ biết rõ chính là đã thấy biết cảnh giới của Thánh trí. Chỉ có bậc Thánh tự chứng biết nội tại mà không thể nói cho người khác biết.

Sự giác ngộ đó có sáu loại tướng: Như phàm phu đã chấp lấy cái giả thì Thánh nói tánh không tương tự. Sáu hình thức đó là:

1. Không phải sắc là tự trải nghiệm, chỉ rõ nó không thể nói được.
  2. Đấy là những cái không thể thấy, nghĩa là sắc kia không thể nắm bắt được.
  3. Chỉ rõ sắc đó không đứng lại, nghĩa là vượt qua cảnh giới sắc căn. Căn, xứ, sắc kia v.v... không có khả năng đứng lại.
  4. Vô tướng là lìa khỏi sự nhớ nghĩ tánh tướng.
  5. Vô ký là ly khai cảnh giới của ý thức.
  6. Không vướng mắc là không có sự kiện phiền não.
- Làm thế nào giải thích được sự chấp có một bên, nói đúng đắn về

thị hiện, có hai thứ thẳng tướng và nói đúng đắn về thị hiện thể tánh tướng đó.

Trong đó, nói đúng ra thẳng tánh tướng là gì? Mỗi thể tánh và tướng đều có tám thứ. Chấp thường trọn thì có chấp ngã trọn. Chấp trọn là vô thường thì có chấp vô ngã. Dựa hẳn vào chấp vô ngã, nếu chấp có thật tại tâm thì dựa vào chấp có ngã.

Nói không chấp sự cố chấp về tâm chân thật, nó là chỗ dựa của chấp có ngã, thì đó cũng là đi tìm tâm chân thật. Bằng sự đi tìm cái thật tâm, mà họ dựa vào để chấp, thì sự chấp kiên cố đó không phải thật tâm. Sự cố chấp là không tốt v.v... mọi chấp trước đó cho đến chấp sự ô nhiễm, chấp tướng có năm thứ tai họa của chướng. Đó là các tai họa điên đảo, tai họa của sự chệch bại, tai họa của khởi ý, tai họa của sự ác độc thô bạo, và tai họa vô thường ở trong các pháp nhiễm. Sự chấp giữ vào tâm thật thì đối trị với tâm đó là sự an ổn ở trong pháp thanh tịnh tốt đẹp, cho đến sự thanh tịnh mà được an ổn. Đây là tám thứ an ổn tốt đẹp hơn hết.

Trong tám thứ an ổn tốt đẹp này, Bồ-tát không giác ngộ ý niệm tùy thuận, không chấp giữ, không nói đến sự tùy thuận, không khuyên bảo người khác, không giác ngộ sự tùy thuận, không chệch bại người khác.

Duyên nơi sự an ổn chân thật, thì như trên đã nói rõ, là cần phải dựa vào tám sự an ổn tốt đẹp vượt trội vừa nói. Phàm phu đã ràng buộc ý niệm, duyên vào sự an ổn tạm bợ, với tác dụng của tính chất bám chấp an ổn như thế, làm sao cởi bỏ sự chệch bại một bên? Thì cũng do một tướng mà thị hiện có việc chệch bại.

Chệch bại là do tin tà pháp, duyên nơi vô ngã trong mọi lúc. Nói không có tướng của mọi pháp là theo nghĩa ấy. Đó là nói giản lược (vấn tắt) về sự chấp ngang chệch bại một bên.

Lìa sáu thứ tướng ở trên là làm sáng lên nghĩa trung đạo. Giải thích thế nào để thành tựu việc chứng ngộ các pháp? Như kinh nói: Này Ca-diếp! Minh và vô minh đều không sai không khác.

Nhận biết như thế thì đây gọi là trung đạo chánh quán chân thật, cho đến già, chết, diệt mất, thì sự quán sát đó không hai, không khác v.v... Có ba thứ tướng để giải thích việc chứng pháp, ba tướng đó vốn nói lên ba sự việc về nhân duyên thứ tư trong đó có chướng, có đối trị, trụ vào pháp hữu vi, vô vi, chỉ rõ tánh tướng đều không thể nắm bắt được, cho nên có chỉ rõ việc cao vượt cũng không thể nắm bắt được, sự học tập đó đã chứng được trí như thật.

Tánh tướng không thể nắm bắt được là như phàm phu chấp lấy

tánh tướng của mình và vô minh thì đều không thể nắm bắt được.

Sự cao vượt không thể nắm bắt là hết thấy phàm phu kia ngang ngược chấp tánh tướng sinh diệt, tụ tập mà đều không thấy có hai tướng. Trí chứng ngộ thì đã nói đến nó cũng như nơi nó nương tựa, nghĩ nhớ, không nhớ nghĩ, tu hành không chướng ngại. Do nội trí mà biết chứng pháp vô ngã, còn pháp Bồ-tát chứng làm sao giải thích? Vì phát nguyện hồi hướng đại Bồ-đề, cũng là một tướng. Nếu nói không phải đem lý không làm cho các pháp trở nên không, thì với bảy câu nói như thế, Bồ-tát vì làm lợi ích cho chúng sinh, đem lý không mà không làm cho các pháp trở nên không, không rời bỏ phiền não, nghĩa đó là như thế. Không là do vô nguyện mà làm cho các pháp thành vô nguyện. Không là do vô tướng mà làm cho các pháp thành vô tướng. Không hiện khởi lại dòng sông của nghiệp và dòng sông của ý niệm, hết thấy mọi hành đều vô tánh, đem Niết-bàn chấm dứt dòng chảy của thế gian. Đã hành như vậy rồi thì sao? Ấy là tâm chưa lìa mình ra khỏi nỗi khổ phiền não, nhưng cũng do nghĩa một tướng. Nói như các pháp là có tánh và không tánh. Với bảy câu nói như thế v.v... là chưa tiêu diệt được các pháp thù oán chướng ngại v.v...

Quán như thật, chứng như thật, thì chứng như thật là hành pháp vô ngã, đối với mọi pháp chướng ngại dùng thể tánh thì cái thấy không còn nhiễm và khổ nữa. Làm thế nào để giải thích giỏi bốn thứ tướng? Là chỉ rõ cái thấy thắng tướng. Là chỉ rõ được tướng xa lìa, là một sự xa lìa tốt. Là chỉ rõ cái hơn hẳn của loạn làm mất thiền định. Là chỉ rõ cái tâm loạn hơn hẳn.

Với cái thấy cao vượt thì như kinh nói: Này Ca-diếp! Không phải không có người mà gọi là không, cho đến bờ chính giữa cũng không. Không phải chỉ vì không thấy có người mà nói là không. Ý nghĩa đó là sao? Trụ vào chúng sinh, không là không thấy pháp không, chỉ có tự thể không của các pháp. Đời vị lai ở trong Niết-bàn sẽ cắt đứt tâm kiêu mạn và giỏi quán sát đối tượng chấp và cho đến người chấp hành trí vô ngã, lìa giả danh, tánh thuộc về không. Không giỏi quán sát ba thời quá khứ, vị lai, hiện tại, nên gọi là không quán sát chân chánh ngọn lửa trí chân như, cho nên kiêu ngạo, lầm lẫn, chấp giữ vào pháp vốn là không, là giả danh.

Nói dựa vào không, không dựa vào pháp vì vô ngã, chân thật là không. Pháp đó do không dập tắt mất cái gốc đối tượng chấp là chúng sinh không và vì chấp mà pháp sinh có, gọi là tướng lùi mất. Bồ-tát đối với pháp này không như thế. Vì do nghĩa đó nên đã chỉ rõ pháp vô ngã

là hạnh thù thắng của Bồ-tát. Đức Phật nói với Ca-diếp: Các ông phải nương tựa vào không, cho đến bị lùi mất trong pháp Phật.

Sự xa lìa trụ nơi cao vượt trong chúng sinh vô ngã. Ngã kiến là từ chỗ phàm phu thấp nhất càng đi xuống thấp nữa bằng hai hình thức:

1. Khổ không tránh khỏi.
2. Hành khổ.

Vì hai tướng mạo này, nên Phật nói với Ca-diếp: Thà phát sinh sự cố chấp của chúng sinh chất chứa như núi Tu-di, chứ không vì chấp không mà phát sinh tư tưởng tăng thượng mạn. Vì sao? Này Ca-diếp! Tất cả các cố chấp đều do không mà được giải thoát, còn chấp không thì không thể trị. Đoạn văn này chỉ rõ nghĩa đó.

Thà khởi ngã kiến chất đầy như núi Tu-di, có nghĩa là ngã kiến ấy có thể đối trị, có thể làm cho nó diệt. Không vì chấp không mà phát sinh tư tưởng tăng thượng mạn. Do không thấy pháp vô ngã, nên mới khởi tăng thượng mạn. Nên biết, ngã là không nên thấy các hành đều không, vọng tưởng chấp tánh không cũng là không, không thể nắm bắt nó. Thế không và chấp ngang, phân biệt tánh là không rồi ngang ngược an ổn vào lĩnh vực điên đảo. Do an ổn ngang ngược vào kiến đó mà thành chấp không. Nếu phát sinh chấp không thì không có thuốc chữa, không thể nắm giữ. Nên biết, đã không thể nắm giữ cho nên không tránh khỏi các nỗi khổ sinh v.v... do mọi lúc không thoát ly phiền não nóng bức, không thể vui vẻ tu hành, như bệnh nhân không thể chữa trị. Diệt trừ thứ chấp mà trước đây nói là hai thứ tướng, như lương y trao thuốc cho bệnh nhân, cho đến nếu phát sinh chấp không, thì ta nói người đó là không thể cứu chữa. Thí dụ này chỉ rõ: Như bệnh nhân chưa đến nỗi sắp tắt thở, nhưng do khuấy động chứng bệnh, hoặc động vào nguyên nhân, hoặc không khuấy động nguyên nhân gây bệnh trước sau, khiến bệnh nhân nhận hai thứ cảm giác đau khổ này.

Như vậy, chấp nhân vô ngã không diệt thì đồng với chấp ngã và không lìa chấp sinh không, pháp vô ngã, vì tự thuận theo bệnh phiền não. Hai thứ chấp trước, sau đều diệt, nên gọi là diệt.

Bồ-tát không thế. Ở đây nói diệt là thiện thắng. Như kinh nói: Ví như có người sợ hãi hư không như thế v.v... Lại nhìn vào khoảng không tự nhớ nghĩ, phân biệt, cố chấp ngang ngược, tạo nên nỗi sợ hãi cho mình. Người đó kêu lên: Xua tan hư không đi, xua tan nó đi! Như vậy người này trụ vào nhân vô ngã, không trụ vào pháp vô ngã, vì ngã mạn nên sinh sợ hãi. Hư không chẳng có việc gì để có thể nói mà ngang nhiên chấp nó rồi an ổn tạm thời vào đó chấp tạm bợ vào sắc rồi đòi cắt

đứt những gì là sắc là tướng...

Bồ-tát không thể. Ở đây nói tâm rối loạn là hơn hết. Đức Phật nói với Ca-diếp: Ví như họa sĩ tự sáng tác nên bức vẽ đầy hình dáng kinh hãi, như hình tượng quỷ Dạ-xoa như thế v.v... Như vậy sẽ mất bản tâm, chạy theo loạn động trụ vào nhân vô ngã, tự phân biệt, tự nhớ nghĩ, thật có các cảnh giới. Người đó vì do tư tưởng điên đảo làm cho họ trở thành điên đảo. Bồ-tát không thể. Thế nào là giải thích nói về nguyên nhân do hai thứ thí dụ?

1. Thí dụ nhà ảo thuật.

2. Thí dụ hai thanh gỗ cọ xát vào nhau. Thí dụ đầu chỉ rõ việc quan sát chủ thể chấp, do nhân vô ngã, nên trí chỉ duyên nơi các hành. Người đó nhìn pháp bằng trí vô ngã, quán pháp này cũng bằng trí vô ngã, nên gọi là người chấp và quán. Nhưng nhân vô ngã trí và pháp vô ngã trí đó đều là nhân. Vì có nhân đó, nên mới có thí dụ này. Như nhà ảo thuật và người huyền thuật là nhân. Thí dụ nếu người huyền thuật ăn thì nhà ảo thuật cũng hóa làm như thế. Dùng pháp vô ngã trí chúng sinh vô ngã trí mà lia mình ra khỏi giả danh, thì đó là không. Lia được mình ra khỏi phân biệt, nên vắng lặng. Vì có thể rời bỏ tướng, vì không có sự cố chấp, vì là không, không có vật gì nên không quán sát chắc chắn như ăn.

Thí dụ thứ hai chỉ rõ: Ví như hai việc thật sự chứng đắc, thì sự chứng đắc như thật đó có được do quan sát chủ thể và đối tượng quán đều vắng lặng, tư duy nhớ nghĩ nhân là không rời nhau, vĩnh viễn biết được bên trong của mình nên phát sinh trí quyết định.

Quán sát đối tượng ở đây, có nghĩa là quán sát chúng sinh bằng trí vô ngã.

Còn chủ thể là thực hành pháp vô ngã trí. Hai trí đó, như hai miếng gỗ trên, dưới cùng chiều, xếp vào nhau, vắng lặng tư duy, vì duyên vắng lặng nên nội tại đã chứng biết mới nảy sinh trí quyết định, gọi là chứng ngộ chân thật.

Thí dụ hai miếng gỗ này, chỉ rõ nguyên nhân có thể được là do hai thanh gỗ cọ xát vào nhau nên mới phụt lửa. Lửa này trở lại đốt cháy hai miếng gỗ kia. Như vậy, trí của nhân vô ngã, pháp vô ngã là nguyên nhân hành động. Sự nảy sinh là pháp vô ngã trí, vì duyên nơi trí nội tại nên quyết định nảy sinh trí. Hết thấy tính chất vọng niệm nghĩ chấp của hành trí ấy, nhờ trí quán như thật mà có thể đốt cháy.

Nói phổ biến cho đến không là sao? Cũng do nghĩa một tướng. Trở lại, vì nhận thấy như thật trong trí của pháp vô ngã kia, nên nói thí dụ:

Như khi đèn cháy, thì tất cả bóng tối đều tự biến mất. Thí dụ này giải thích cho nói pháp.

Trong đấy, nhận thấy như thật là vì không có trí v.v... là lia danh tánh giả tạm.

Không là vì không chấp như thế.

Không thể chấp lấy sự vắng lặng là vì không giác ngộ. Giải thích “không” là gì? Nghiệp diệt mất, phiền não cũng diệt mất, là vì hiện tại đã đối trị. Đức Phật nói với Ca-diếp: Ví như trong khu nhà, hoặc trong từng căn, từng buồng, từng phòng, trải qua hàng ngàn năm cho đến nay, hết thấy những bóng tối trong ngôi nhà đó được xem là các nghiệp kiết sử. Thí dụ này chỉ rõ sự diệt.

Đến mất đi là sự tìm kiếm, tức đã nảy sinh trí tuệ sáng suốt, có thể làm diệt mất các nghiệp phiền não từ vô thủy đến sau này. Nếu có thể nhanh chóng dập tắt các phiền não như thế, thì tại sao các Bồ-tát lại tu hành lâu dài trong thế gian? Thí dụ thứ hai là chỉ rõ được thắng quả tốt đẹp đó.

Đức Phật nói với Ca-diếp: Ví như gieo giống trong khoảng không, cho đến các sử, tạp pháp thế gian cũng có khả năng nuôi lớn pháp Phật, hạt giống có thể sinh sôi nảy nở trong thửa ruộng tốt có nhiều tạp uế.

Những thí dụ như thế nhằm chỉ rõ việc Bồ-tát hưởng tâm Niết-bàn, nhưng không bỏ chúng sinh. Vì thành tựu pháp Phật mà nguyện ở lại thế gian, vì đã hồi hướng phát nguyện các căn thiện, tu hành lâu dài các hạnh.

Niết-bàn ở đây là vô vi, ví như hư không, nếu nương vào hư không thì pháp Phật không được nuôi lớn. Thế gian là thửa ruộng tạp uế phiền não, tâm đại bi của Bồ-tát cũng như mảnh đất có tạp uế phiền não, nắm giữ mảnh đất này Bồ-tát mới thể hiện khả năng làm tăng trưởng pháp Phật.

Vì sao dựa vào pháp hữu vi thấp kém mà Bồ-tát có khả năng tăng trưởng pháp Phật vô thượng? Lấy thí dụ hoa sen để giải thích một cách sáng tỏ, nên Đức Phật nói với Ca-diếp: Chỉ ở những chỗ đất ẩm thấp, đầy bùn lầy, hoa sen mới mọc lên. Bồ-tát cũng như thế, chỉ ở trong vũng bùn sinh tử tà định của chúng sinh, Bồ-tát mới làm pháp Phật phát sinh.

Nếu như thế thì đối với Bồ-tát, các Thanh văn không có mười hai sự việc cao vượt này. Mười hai điều đó là gì? Đó là:

1. Cao vượt trong tu tập các căn thiện xen tạp.
2. Cao vượt trong tu trí và hạnh.

3. Cao vượt trong quả giải thoát thuộc về tận vô sinh trí giải thoát cùng đạt.

4. Cao vượt trong việc hàng phục các ma oán.

5. Cao vượt trong vô học.

6. Cao vượt trong A-la-hán.

7. Cao vượt trong chúng sinh, nói nghĩa ứng cúng.

8. Cao vượt trong việc nói rõ pháp thù thắng, dựa vào tứ song bát bối.

9. Cao vượt trong hiện pháp được Niết-bàn, nói rõ pháp thù thắng trong chúng sinh.

10. Cao vượt trong sự đạt tịch diệt cao cả từ chúng sinh cho đến chín lĩnh vực chúng sinh.

11. Cao vượt trong việc tâm được tự tại.

12. Cao vượt trong việc khó điều phục chúng sinh.

Vì đề phòng sự vấn nạn, nên nói các thí dụ, nên biết. Vì đề phòng sự khó khăn cao vượt ban đầu, nên nói hai thí dụ biển cả và sữa tươi, vì vô lượng chúng sinh không nhận lãnh pháp thọ dụng tương tự.

Thí dụ thứ hai đề phòng sự khó khăn về trí Bồ-tát thì có hai: Vì đối trị với chướng của tự thân và của người khác trong vô lượng thân chúng sinh. Thí dụ thứ ba bên vực sự khó khăn của Bồ-tát, có hai thứ: Thí dụ về người đàn ông, như lĩnh vực giải thoát của bậc cao thượng, các thừa Thanh văn và lời thệ nguyện của họ là lĩnh vực của kẻ nghèo.

Lĩnh vực của tôi tớ bị sai khiến thì Bồ-tát cũng không rời bỏ những chúng sinh này. Nơi vua ở là thệ nguyện của Đại thừa, vì đề phòng các sự oán thù.

Thí dụ ban đầu về Chuyển luân Thánh vương và con chân thật của Như Lai, là phòng hộ sự cao vượt của vô học. Thí dụ thứ hai Chuyển luân Thánh vương, là để nói Bồ-tát không đoạn tuyệt chủng tử Phật. Phòng hộ sự cao vượt của A-la-hán, vì kham nhận ứng cúng. Thí dụ thứ ba về Chuyển luân Thánh vương, là nhân truyền trao Nhất thiết trí, đề phòng nói đến mọi cao vượt trên.

Dùng thí dụ Tỳ-lưu-ly, ban đầu là gồm thâu để được tâm Bồ-đề. Phòng hộ người nói pháp là vì sự cao vượt trên.

Nói thí dụ cây thuốc chúa, vì có thể chữa khỏi bệnh phiền não cho chúng sinh.

Thí dụ sự cao vượt trên là phòng hộ nguồn sáng trong chúng sinh. Không thể xả bỏ vầng trăng, vì có thể tạo nên trí tuệ sáng suốt cho tất cả chúng sinh, phòng hộ được sự cao vượt là sự vắng lặng hơn hết.



Nói mặt trăng trong thí dụ ban đầu, là chỉ nhân tụ tập trí công đức, hỗ trợ được Bồ-đề.

Phòng hộ sự cao vượt về tâm được tự tại bằng thí dụ ngọc lưu ly, vì Bồ-tát đã thành tựu quả vị Nhất thiết trí, phòng hộ sự cao vượt khó khăn nảy sinh.

Thí dụ như chế biến ngọc Tỳ-lưu-ly. Tâm tự tại hơn mọi lợi dưỡng của công đức Thanh văn. Dựa vào Bồ-tát mà nói giản lược các thí dụ này như thế. Chỉ rõ công đức của Bồ-tát vượt hơn Thanh văn. Từ đây về sau sẽ nói rộng về các công đức.

Có bao nhiêu hạng Thanh văn? Giới của Bồ-tát có những gì vượt hơn giới của Thanh văn? Có bốn hạng Thanh văn. Hơn nữa, giới của Bồ-tát còn có mười ba thứ tướng vượt trội hơn giới của Thanh văn.

Bốn hạng Thanh văn là: Ứng Thanh văn, Ngã mạn Thanh văn, Lập nguyện Bồ-đề Thanh văn và Tánh diệt định Thanh văn.

Ứng Thanh văn: Nếu phải hóa độ chúng sinh, thì chư Phật và Bồ-tát đã giáo hóa. Đây gọi là Ứng Thanh văn.

Thanh văn Ngã mạn: Là chúng sinh chỉ dùng vô ngã trí và tà pháp là vô ngã, mà trí lại chấp vì kiêu ngạo ta đây, cho là đã thanh tịnh, đó là Thanh văn Ngã mạn.

Lập nguyện Bồ-đề Thanh văn: Là từ trước đến giờ tâm thương xót yếu kém, nhưng nhờ thân cận Đức Như Lai và nhờ học tập, tâm tâm rất tin tưởng pháp Phật sâu xa vô thượng, làm việc công đức được huân tập thành tựu. Mặc dù an trụ trọn trong giới vô lậu, nhưng chư Phật đã khuyên bảo họ và nói các phương tiện, nhân đó mà các Thanh văn kia được tu tập đại Bồ-đề. Mặc dù họ đã tu tập Bồ-đề như thế, nhưng về sau trong việc làm lợi ích cho chúng sinh họ còn chậm chạp, không nhạy bén và vì ưa thanh tịnh riêng, không phải từ khi mới phát tâm mà có Phật tánh, đây gọi là Nguyện Bồ-đề của Thanh văn.

Thanh văn với tánh diệt định: Từ trước đến nay, vì tánh nhỏ nhen, mỏng manh của tâm xót thương, họ hoàn toàn quay lưng với chúng sinh và tâm niệm sợ hãi trước nỗi đau khổ của thế gian, chỉ đứng lại hưởng về cảnh giới Niết-bàn, không đủ khả năng tu tập đại Bồ-đề. Ví như hai vương tử với hình dáng, diện mạo giống nhau, đồng thọ hưởng mọi khoái lạc do vua ban, nhưng một người đã khéo thấu biết pháp chế của vua, và các thứ kỹ thuật v.v..., còn vị vương tử thứ hai thì không được như vậy. Người thứ nhất giỏi kỹ thuật hơn người thứ hai, nhưng sự thọ dụng khoái lạc thì chẳng thể nào như nhau.

Cũng vậy, Bồ-tát an trụ trong giới vô lậu giỏi hơn Thanh văn trụ



trong tánh diệt định. Bồ-tát vượt hơn Thanh văn ở các lĩnh vực: Thân Bồ-tát tu tập pháp trắng, trí tập hợp tương tự, tánh giữ nhà hạnh, năng lực thần thông, tu hành, phước điền cao vượt hơn ca nhân quả, và dựa vào sinh, nên biết như vậy.

Như gieo giống ở giữa trời mà nó sinh trưởng được thì không có lý đó. Nhưng gieo giống trên ruộng tốt lẫn với sự nhơ nhớp thì nó vẫn sinh sôi, nảy nở. Ở trên đồi đất gò cao thì hoa sen không mọc được.

Các thí dụ như thế, nhằm chỉ rõ tánh diệt định của Thanh văn và nói đến sự cao vượt về lòng tin, sự chí tâm của Bồ-tát.

Tánh diệt định của Thanh văn, như đất nhơ tạp nhạp. Mọi việc làm phải xen lẫn trong bùn phiền não ô nhiễm của chúng sinh, nhưng lại quay lưng đi, nhất định hướng về cảnh giới Niết-bàn, cũng như chỗ đất đang hừng hực cháy trong thế giới chúng sinh thanh tịnh, mà tâm đồng và an trụ. Trái với tính chất của Bồ-tát hướng đến tâm Niết-bàn và cùng với chúng sinh trụ trong thanh tịnh. Tâm Bồ-tát không bỏ chúng sinh vốn mang nhiều phiền não mà còn luôn cứu độ họ, sống với thế gian tạp nhiễm và sẵn sàng dẫn dắt chúng sinh. Lấy thí dụ về lĩnh vực tập hợp các pháp trắng được thay thế lẫn nhau để chỉ rõ việc làm cao vượt của Bồ-tát. Thanh văn vẫn có các pháp trắng nhưng ít và mỏng manh, chỉ có ích cho mình. Pháp Bồ-tát thì vô lượng, luôn tăng trưởng lợi ích cho tất cả chúng sinh và xem họ như con mình. Ví như người cha dùng sữa tươi nuôi lớn các con, Bồ-tát cũng thế. Căn thiện của mình nhiều vô lượng, như sữa tươi nuôi nấng, giáo dục, làm tăng trưởng các Bồ-tát mới học tập như con, như đứa con trai.

Hư không là chỉ rõ trí tập hợp cao vượt, Thanh văn sử dụng trí vô lậu chỉ nhận thấy tự thân không tịch.

Bồ-tát ở ngay trong các phiền não là vì tấm lòng thương xót, với trí đồng chứng ngộ, khuyên bảo chúng sinh quay về với tất cả chúng sinh trong mười phương, làm cho họ đồng phát nguyện hướng về Bồ-đề vô thượng. Thí dụ về bậc đại phu và tở gái, là chỉ rõ cái cao vượt về lĩnh vực tương tự. Thanh văn nhớ nghĩ đến cảnh giải thoát cao vượt, mẹ bậc đại phu, thì ý thức nhỏ hẹp, thấp kém, còn người cha thì tâm nghèo nàn cùng khổ gia tăng, nên họ không thành Phật tử (Bồ-tát). Các vị Bồ-tát rời bỏ tánh thấp kém của phàm phu chúng sinh, nghĩ đến đứa tở gái nơi mẹ sai khiến, như đại vương dùng tâm thượng niệm quán dẫn thành tựu, được gọi là Phật tử (Bồ-tát).

Thí dụ về Chuyển luân Thánh vương ban đầu là chỉ rõ sự cao vượt của lĩnh vực tánh, như vương tử của Chuyển luân Thánh vương đã thành

tự các năng lực, thành tựu thế lực, và thành tựu uy lực cùng cực. Nhưng do không có tướng Chuyển luân Thánh vương, nên không đủ khả năng làm Chuyển luân Thánh vương. Thanh văn cũng thế, siêng năng tinh tấn, thành tựu các năng lực chắc chắn và khéo léo, thành tựu thế lực mà tâm không buông bỏ, thành tựu uy lực cùng cực nhưng không có tướng, tánh Phật, nên chư Phật Như Lai không ủng hộ, tiếp nhận, dẫn dắt.

Bồ-tát dùng hai thí dụ Chuyển luân Thánh vương để chỉ rõ sự cao vượt của trì gia (giữ nhà). Mặc dù Thanh văn có năng lực đến tận quá khứ, vị lai, nhưng vẫn không thể nào giữ vững được ngôi nhà của Phật, trong khi đó, Bồ-tát mới phát tâm đã có năng lực duy trì được.

Thí dụ về Chuyển luân Thánh vương thứ ba là chỉ rõ việc làm cao vượt. Mặc dù Thanh văn đã chứng ngộ đến cùng, nhưng các trời, Thánh, người đều không cung kính, khen ngợi. Thí dụ về ngọc Tỳ-lưu-ly tượng trưng cho Bồ-tát mới tu hành, là chỉ rõ sự cao vượt về năng lực thần thông cao tột.

Từ địa thứ nhất, thần lực trí tuệ của Bồ-tát đã bỏ xa Thanh văn, Duyên giác.

Thí dụ về cây thuốc ở núi Tuyết là chỉ rõ việc cao vượt của sự tu hành. Dù Thanh văn đã thành tựu trí, có thể diệt trừ chứng bệnh phiền não, thuốc trí chữa khỏi bệnh phiền não của chúng sinh, nhưng trái với chất Bồ-tát. Chỉ vì Bồ-tát thường làm việc giúp ích cho mọi người.

Thí dụ về các vì sao là chỉ rõ sự cao vượt về phước điền. Dù cùng tận đến quả vị, Thanh văn vẫn không thể dùng trí tuệ soi sáng chúng sinh, không làm nên ruộng phước để hóa độ hết thảy hàng người, trời. Còn Bồ-tát thì không diệt phiền não, nhưng có thể làm ruộng phước cho tất cả hàng người, trời, gieo trồng căn thiện.

Thí dụ về mặt trăng, trăng mới mọc, là chỉ rõ sự cao vượt trong mọi sự cao vượt. Chư Phật, Như Lai mãi mãi cao vượt hơn Thanh văn và Bồ-tát. Sự cao vượt đó là từ Bồ-tát mà có. Có hai hình tướng để Bồ-tát đi tới chỗ cao vượt.

Bồ-tát giáo hóa chúng sinh và thành thực pháp Phật, thế nên có Bồ-đề và được quả vị. Tùy vào sự giáo hóa chúng sinh mà họ được giải thoát. Như người kinh doanh các loại cá, kết quả có được số cá với hình thù kỳ dị, lòng hoảng sợ không dám ăn. Đây cũng như thế, nên biết. Ví như chư Thiên và loài người, tất cả thế gian đều khéo giữ gìn ngọc lưu ly. Thí dụ này chỉ rõ sự cao vượt của nhân, quả. Dù Thanh văn có một mực tu tập nhân tốt của pháp thanh tịnh, lại thân cận với vô lượng thiện tri thức, nhưng vẫn không thể được quả Đại Bồ-đề, vì chất của việc họ

làm khác với Bồ-tát.

Nói các vị Bồ-tát là vì Bồ-tát có thể chứng quả đại Bồ-đề. Như thợ chế biến ngọc quý Tỳ-lưu-ly, thí dụ này chỉ rõ sự cao vượt dựa vào sự phát sinh.

Các Thanh văn nương vào Bồ-tát mà xuất hiện ở thế gian, chứ không phải Bồ-tát dựa vào Thanh văn để xuất hiện ở thế gian, vì nghĩa dứt hết mọi điều ác, giữ gìn vững chắc điều thiện.

Đức Phật nói với Ma ha Ca-diếp: Này Ca-diếp! Nếu có cõi nước mà trong nước đó chỉ có con lạc đà với cổ đen, đầu ngược lên, vừa ngủ gà ngủ gật, cho đến nước đó không có gì lo sợ. Này Ca-diếp! Bồ-tát vẫn thường xuyên cứu hộ đem lại lợi ích cho chúng sinh.

Lần lượt sẽ nói ra. Từ đây trở về sau sẽ chỉ rõ được lợi ích của kết quả kia, mà sự cao vượt như đoạn trước đã nói.

Nói trong bùn phiền não nhiễm tạp, Bồ-tát có thể tăng trưởng pháp Phật. Nếu thế, thì không phải tăng trưởng trong thân của Bồ-tát, cũng không phải các Bồ-tát khác giúp đỡ thân Bồ-tát này, thì làm thế nào trong thân Bồ-tát mà có thể tăng trưởng Bồ-tát? Vì chúng sinh nên tu tập các hạnh là chỉ rõ lời nói này: Nếu tăng trưởng cho Bồ-tát, là cũng đã tăng trưởng cho đạo của mình.

Kinh nói: Bồ-tát thường cứu hộ như thế v.v... là chỉ rõ cho đến bốn phương, tất cả thế giới, tất cả thế nguyện của Bồ-tát, đều là những việc làm lợi ích cho chúng sinh.

Hoàn toàn chữa trị chân thật. Ai lìa khỏi lương y mà chữa lành bệnh của thân, thậm chí lìa ngoại đạo mà chữa trị được phiền não, thì đó không phải là cách chữa trị chân thật, chỉ là giả danh trị, là điên đảo trị.

Trong đó, Bồ-tát dụ như lương y, hết thầy chúng sinh dụ như người bệnh. Là bệnh tham lam, sân... thuốc là pháp quán bất tịnh v.v... Có ba thứ hình thức tịnh bị chấn động mạnh mà phát sinh các thứ bệnh, hoặc do chứa nhiều chất độc trong người, hoặc do không nên ăn mà ăn, hoặc do hết bệnh này sinh bệnh khác. Như thế, ba thứ nguyên nhân này, hoặc vì tướng của tâm ác nên nảy sinh tâm bệnh, hoặc vì chứa các điều ác như tham v.v..., hoặc là rèn tập các tánh tham lam v.v... lâu dài, hoặc vì thấy việc không nên làm mà làm. Lại nữa, trong hiện tại đang kẹt vào các việc cố chấp v.v..., hoặc làm các việc điên đảo rồi bỏ.

Trong đấy đối trị với bệnh phiền não ban đầu thì dùng quán bất tịnh, dùng bất tịnh để đối trị với các tánh tham lam, dùng tâm từ để đối trị với tánh giận dữ, dùng bốn phép quán nhân duyên để đối trị với ngu

si. Lấy hình ảnh có bệnh như thế v.v... rồi chỉ rõ các đối trị là dùng thuốc “không” v.v..., vì phải dựa vào bốn hạng chúng sinh, nên mới nói:

1. Kiến chấp.
2. Tham đắm Tam-ma-bạt-đề.
3. Ưa thích các sự sống.
4. Đối với lĩnh vực không có giải thoát mà tưởng là giải thoát.

Trong đây, từ chỗ cố chấp vướng mắc của chúng sinh, nên nói mọi thứ chấp đó, chỉ có không mới trị dứt hết. Nếu phát sinh kiến chấp về không thì đồng nói như thế v.v...

Nên biết, vì tham đắm Tam-ma-bạt-đề cho nên nó không có tướng, không có tướng trong tất cả các ý niệm phân biệt tướng có và không. Chỉ rõ hết thấy có, không, chỉ rõ sự tham đắm Tam-muội, chỉ rõ sự ưa thích các đời sống, nên nói là vô nguyện. Vì diệt tất cả cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc v.v... nên nói là vô nguyện.

Dựa vào lĩnh vực không phải là giải thoát mà làm ra tướng giải thoát, và nói chẳng phải bốn điên đảo. Vì để diệt hết tư tưởng điên đảo nên mới nói bốn điên đảo. Vì chấp thường v.v... nên đối với lĩnh vực không phải giải thoát mà nảy sinh tướng giải thoát. Cần phải từ bỏ sự rên tập điên đảo. Vì dựa vào hữu lậu thì rộng, nói giản lược thì bốn thứ đối trị điên đảo.

Nên biết, phạm phu hữu lậu còn có sáu hạng: Ai đam mê vào thân nên nói niệm xứ để đối trị. Ai bị phiền não tán loạn, thì nói bốn chánh cần để đối trị. Ai kẹt vào kiêu ngạo, đấp đối nhau, thì nói bốn như ý túc để đối trị. Ai từ bỏ tu tập căn thiện thì nói căn và lực để đối trị. Ai không thấu rõ các chân lý, thì nói các phần đạo giác ngộ để đối trị. Ai ham chấp vào việc lành, dữ, thì nói các phần đạo để đối trị. Sáu là không tùy thuận quán sát thân, mà theo sự chấp thân, hoặc chấp ngã sở, không phân biệt mặt trái pháp thiện, không tin tưởng thì nói căn và lực để đối trị.

Nầy Ca-diếp! Trong cõi Diêm-phù-đề, hết thầy thầy thuốc và học trò của thầy thuốc thì Kỳ-bà Dực vương là thầy thuốc số một. Nầy Ca-diếp! Giá như hết thầy chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới đều là thầy thuốc như Kỳ-bà Dực vương, các chúng sinh đều na ná Kỳ-bà như thế v.v..., là chỉ rõ các bộ luận về phương thuốc được nghe nhiều, dù khéo léo tốt đẹp cũng không trị được các thứ bệnh kiến chấp, nghi ngờ, ăn năn, do các bệnh đó khó trị, phương tiện trong đây quyết định. Mọi kiến chấp có khả năng gây chướng ngại. Như Tôn giả Xiển-đà nói: “Các Đại đức! Tôi nghĩ như vậy: Sắc là vô thường..., nhưng tôi lại thực

hành Xa-ma-tha không, không phân biệt, diệt mất ái, lia dục, diệt hết, và trong Niết-bàn tâm tôi không yên, không mừng, không an trụ (đứng lại), không giải thoát. Ý nghĩ của tôi thay đổi, xoay lại, tôi cảm thấy chán nản, lười biếng. Nhưng ngã sở là gì?”. Nói như thế rồi, bấy giờ, Tôn giả Xiển-đà dùng tâm trí tuệ tưởng nhớ đến Niết-bàn, vì không đập tắt được ngã kiến về thân, nên nói ta sẽ vô ngã, tâm chuyển biến lùi lại và nảy sinh sầu não trong cảnh Niết-bàn. Nhưng ngã và ngã sở là gì? Không nghĩ như thế này: Đây chỉ là hành động. Do đâu, cái gì là không có kia, nhưng đạo hành ở thế gian bấy giờ không có khả năng chữa trị nên gọi là không thể chữa trị.

Vì muốn gồm thâu tâm chưa nhập định, nên sự ràng buộc đã tạo ra nghi và ăn năn. Có khả năng xua tan nguyên nhân nghi ngờ ăn năn. Bỏ quên lời dạy thì chỉ có chư Phật Như Lai mới trị được, vì các Bồ-tát không có bệnh độc hại, mà có đại oai lực. Thế nên nói kiến chấp, nghi ngờ và ăn năn, thì không ai có năng lực làm cho thức tỉnh vì ý thức không thể lường nổi, không thể nói, không thể đọc tụng, không thể nói đúng đắn, không thể dùng lời nói. Mong cầu hạnh hỗ trợ đạo này, rồi mong cầu việc làm xuất thế gian. Tâm mong cầu trong hữu dư, sau đó sẽ hữu dư. Dựa vào chúng sinh vô ngã, có hai thứ dựa: Dựa vào pháp vô ngã, có một điều kiện ngộ nhập trí v.v... nhân là dục, tin tưởng, căn bản trí, tín trí, chỉ có tâm là khuyên can trung gian, đoạn tuyệt, không có điều kiện, giác ngộ và vô ngã. Tìm kiếm trong học tập nhân duyên, là chỉ rõ sự chứng ngộ nhân vô ngã. Ở trong, ngoài và chính giữa nếu nương tựa vào ý thức nhớ nghĩ kia thì thấy tâm không thể nắm bắt được, tính chất nhớ nghĩ ngang ngược, vọng tưởng và thành tựu tướng không sắc v.v..., vì nhận thấy được thể tánh nên chỉ rõ sự chứng ngộ pháp vô ngã. Nhưng vì thành tựu tánh này, nên hành động của tâm phải có bảo hộ và không chấp điều bất chánh.

Đức Phật nói với Ca-diếp: Tâm của tất cả chư Phật đều không nhận thấy, nói chẳng phải tự nhiên, không thấy là chỉ rõ tâm trụ vào pháp thể. Vì tất cả chư Phật đều nói là thấy suốt cả ba thời gian. Như vậy, trước đã nói không có tánh phân biệt, nhớ nghĩ ngang hình thức của sự nhớ nghĩ ngang đó, chỉ rõ tánh và tướng người khác nên mới nói, vì có căn cứ.

Nói tâm kia lấy gì làm tánh để chấp nhận trong đó đã nói rõ tâm và tâm sở pháp. Nếu do ý thức mà đạo, chỉ là tướng, thì làm sao giải thích nên sự sinh tử thế gian như huyễn (ảo)?

Chỉ nhất tâm tu hành như dòng sông trôi. Tu hành như thế thì tâm

ở trong sự nhàm chán, muốn xa lìa thì sao không được giải thoát? Giải thích sự việc đó như gió, trong đó cái xa có nghĩa là hết thấy sự việc đều có tánh kia, nhưng rất khó biết.

Thế nào là được giải thoát? Giải thích sự việc đó như đèn cháy sáng. Vì duyên lực vô minh nên hành. Đây là chỉ rõ khi vô minh đã dứt hết thì không có hành. Nếu sức phiền não trong tâm còn thì có ô nhiễm thành tựu, không là tùy thuận chân như. Vì phiền não kia không sạch, nên không nhận thấy sự giác ngộ và giải thoát. Vì phòng hộ tai họa này, nên thị hiện như là hư không. Vì phòng hộ các tai họa, vì như là hư không không phân biệt, nên thị hiện như sấm chớp, mỗi ý niệm đều diệt. Vì không duyên nơi các tánh tham v.v... nên thị hiện tướng vô thường. Sở dĩ phải chỉ rõ tướng vô thường này là nhằm đề phòng tai họa của tướng khác lạ có thể xảy ra. Mặc dù trong sạch tâm mình, nhưng vì mỗi niệm đều diệt, nên thị hiện như con vượn. Vì tâm niệm kia không mong cầu mọi thứ cảnh giới, nên nó phân tán, tùy thuận các tánh tham lam v.v..., đều không thể bỏ nên trở thành có tán loạn.

Vì sao không giải thích là tất cả không cộng sinh? Giải thích tạo nghiệp như công việc của họa sĩ. Vì sao không phải hết thấy mọi lúc như thế v.v...? Giải thích tạo nghiệp không trụ. Vì sao nghiệp hiện tại lui gót? Hoặc vì cây hiện ra khí lực, nên nó sống. Giải thích là như sự nghiệp của vua. Hết thấy nghiệp tu là sức mạnh tối thượng, do khả năng huân tập của tâm Phật được tăng thượng thành tựu hạnh nói pháp tỏ rõ.

Hoặc như vua thì tại sao tự mình có thể sinh các nỗi khổ? Giải thích là như oan gia. Tại sao tự chính mình mà như oan gia? Giải thích là như đồng tro tàn thị hiện trong nhà. Thân v.v... thị hiện có bốn thứ ngược ngạo. Vì hạnh tùy thuận v.v... là phòng hộ tai họa có thể xảy ra. Có như vậy thì vì cái gì sinh ở chỗ an vui mà chấp nhận sự sống? Thị hiện như oan gia vì có ba khổ. Thị hiện xứ sở kia vì cũng có đau khổ sinh. Với nỗi khổ như thế vì sao không lấy khổ để đối trị, chống trả lại mà thị hiện như quỷ Dạ-xoa v.v... cướp đoạt công sức của con người, nên phòng hộ sự ham dính vào Tam-muội theo thứ lớp. Hơn nữa, vì sao trong đối trị không ưa thị hiện những việc làm như giặt? Là do không phòng vệ, không dẫn dắt chúng sinh, hỗ trợ đạo tu căn thiện. Nếu lập nên công đức trong đau khổ mà có ý nghĩa ưa thích, ưa trụ, thì như thế, do tai họa nào mà thị hiện như có đủ các việc thế lực, không thế lực, ghét yêu.

Tại sao si mê điên loạn? Vì đam mê, vướng mắc sắc v.v... Giải

thích là như con ngài làm tắt đèn.

Đức Phật nói với Ca-diếp: Sự mong cầu là trạng thái của tâm, nhưng không thể được. Nếu không thể được tức là không thể trông thấy, cho đến các thể tánh của Thánh cũng như thế, không phải là thân gây tạo nghiệp, không phải miệng, không phải ý thức trong tánh kia, cũng không có sự sai biệt giữa trình độ cao, trung bình và thấp.

Tư tưởng mong cầu là trạng thái của tâm, nhưng không thể được là có sự lần lượt nào? Thị hiện việc làm tánh tướng của người khác xong. Sự mong cầu tánh, tướng người khác đó cũng là mong cầu với vọng niệm ngang ngược và khi mong cầu tánh được thành tựu, thì mới có sự thị hiện. Tuy nhiên sự vọng tưởng ngang ngược với tánh phân biệt kia, là sự mong cầu không thể được trong tâm lý, thế nên tánh tướng đều không thể được. Tâm kia cũng do không thể được, nên đã chỉ rõ thành tựu tướng tánh của tâm phải là vô vi, thời gian sau này sẽ nói đến.

Bảo cho biết về sự kiện sinh trong ba đời của tâm kia, không phải như nhập vào định diệt tận, vì đương thời tâm không đồng sinh trong ba đời. Như thế, việc thác sinh của tâm kia là qua ba đời. Nhưng không thể vượt qua ba đời, vì tâm đã phát sinh rồi lại phát sinh nữa. Nếu vượt qua thời gian ba đời, thì tâm kia cũng không được gọi là đã có phòng hộ chấp ngang ngược. Tựa danh thị hiện cũng có, cũng không, vì vọng tưởng nhớ nghĩ đến tánh tướng của người khác, nên mới nói rõ thành tựu tánh là nên có.

Tâm kia không phát sinh là do nguyên nhân quán thân, nên tâm kia là không.

Tánh đối với cõi địa ngục v.v... là nguyên nhân quyết định tánh.

Tâm kia không phát sinh là vì tạo ra nhân tố sống nên tiêu mất, là đã diệt mất. Tâm kia thì không lìa là do diệt. Không lìa là vì chưa diệt, tâm kia thì không có hành nghiệp là vì năm ấm.

Tâm kia là vô vi vì làm sáng tỏ nó, nói tất cả việc này, kia là vô vi. Nay muốn phân biệt giải thích rõ ràng:

Tâm này là cái gốc của tất cả Thánh tánh, do tâm nhớ nghĩ này mà thành tựu được quả vị Thánh kia. Các Thánh cũng do tâm này mà được sáng tỏ. Nhưng tánh của tâm kia là do Niết-bàn hữu dư và vô dư làm sáng tỏ nó, do Niết-bàn của Bồ-tát làm sáng tỏ nó.

Trong đây, nương tựa vào Niết-bàn hữu dư, nên nói: Không có giữ giới, cũng không có phá giới, vì đã khéo học tập giới pháp, nên vô hành hữu dư diệt, chứ chẳng phải hành hữu dư, diệt hữu dư, cũng chẳng phải không hành các phiền não.



Không có tâm, không có tâm sở pháp là vì xa lìa ô nhiễm. Nghiệp ở đây là còn có nghiệp nhân của phiền não. Cũng không có nghiệp báo, vì dựa vào Niết-bàn vô dư.

Nghĩa này nên nói như thế này: “Nếu không khổ và không vui thì đây là tánh của bậc Thánh”. Như trước đã nói: Tâm kia thì không có nghiệp. Ba câu Tu-đa-la nói về tính chất khác nhau của nghiệp đó. Câu thứ tư nói về sự khác nhau của chúng sinh, dựa vào Niết-bàn của Bồ-tát.

Vì dựa vào Niết-bàn của Bồ-tát, nên nói tánh bình đẳng này như hư không, cho đến tánh chân tịnh này từ trước cho đến nay đều rất ráo thanh tịnh. Tánh này bình đẳng như hư không, là thị hiện sự bình đẳng đồng hành lợi mình lợi người như nhau.

Tánh này không có gì hơn. Tất cả pháp đều đồng một mùi vị là chỉ rõ tánh không khác biệt trong các Bồ-tát thanh tịnh, không có khác biệt nào hơn trong tất cả pháp phần Bồ-đề.

Tánh vắng lặng này là xa lìa, thân tâm vắng lặng là chỉ rõ thể không khác biệt của tâm.

Tánh tùy thuận theo hương Niết-bàn là chỉ rõ nghiệp tốt đẹp của thân Bồ-tát ngay trong thân của mọi chúng sinh. Tánh tịch tĩnh xa lìa hết thảy phiền não cấu là chỉ rõ mặc dù đồng giải thoát với chúng sinh, nhưng về phương diện diệt tập khí thì Bồ-tát vượt hơn.

Tánh này là vô ngã, lìa ngã và ngã sở là chỉ rõ thế giới yên tĩnh vì vĩnh viễn diệt định. Tánh này không có ác, vừa hư, vừa thật, sinh từ bình đẳng là chỉ rõ việc làm của Bồ-tát trong thế gian. Niết-bàn không mất, không được, không nảy sinh phân biệt vì nó bình đẳng, thật nghĩa. Niết-bàn có nghĩa hư và thật, còn thế gian là không thật, nên biết.

Tánh chân thật đệ nhất nghĩa đế này là chỉ rõ sự xa lìa chê bai, không cùng chung với ngoại đạo. Tánh này không thể cùng tận, nó rất ráo không sinh, là chỉ rõ: Mặc dù đã chứng Niết-bàn vô dư, nhưng Bồ-tát vẫn không dứt việc làm lợi ích cho chúng sinh. Lại nữa, tánh này rất ráo không sinh là chỉ rõ Bồ-tát sinh ra hoàn toàn không phải do nghiệp phiền não chi phối mà là do thành tựu năng lực tự tại tốt đẹp trong việc sinh ra.

Tánh này thường trụ trong tất cả các chân như thường trụ là chỉ rõ việc trụ ở thế gian và Niết-bàn. Vì thế gian kia không phải thế, nên nói đến tánh này là nói đến sự yên vui, trong sạch, vô ngã v.v... nên biết. Tánh chân thật thanh tịnh này từ trước đến nay hoàn toàn trong sạch là chỉ rõ sự trong sạch hết lửa chướng ngại, tùy nơi cần sạch mà sáng tỏ

lên sự trong sạch như thế. Từ nghĩa lớn mà đối trị khác nhau về việc thế gian và xuất thế gian.

Trên đây là lần lượt giải thích thứ lớp và vượt thứ lớp, nên biết.

Nầy Ca-diếp! Bồ-tát đã đi khắp bốn phương, ứng hiện lợi ích cho chúng sinh là chỉ rõ cách dùng trí thế gian và xuất thế gian làm lợi ích bình đẳng cho mọi người. Đến bốn phương là Bồ-tát đó đã giáo hóa chúng sinh, từ thế giới nầy đến thế giới khác. Dùng năng lực thần thông nên từ một thế giới nầy đến thế giới khác, ở khoảng giữa, như từ nước nầy sang nước khác. Rồi trở lại thế giới đầu tiên mình sinh ra và sinh vào bất cứ đâu, làm cho mọi chỗ được trong sạch, tùy có chúng sinh.

Các Bồ-tát giáo hóa là vì chúng sinh thanh tịnh đó. Bồ-tát tạo ra pháp đối trị hoàn toàn chân thật. Bồ-tát đã dùng phiền não đối trị phiền não. Bồ-tát chữa trị chúng sinh quá điên loạn, được trở thành đại y sư vô thượng, rồi vì họ truyền dạy ba giới pháp thanh tịnh, trị bệnh cố chấp mà Dục vương Kỳ-Bà không trị được. Chữa trị tận gốc kẻ mang chứng bệnh hoài nghi, ăn năn, bằng sự chữa trị chân thật, gọi là hữu trị lớn. Đại, có nghĩa là chân thật, không dùng nghĩa nầy. Về sau thì gọi là chữa trị hoàn toàn chân thật. Do hành đạo xuất thế gian và tiêu diệt phiền não sử, trở thành trí thế gian, trong đó có hai hạng:

1. Hạng người thô bạo.
2. Hạng người trung bình.

Đối trị hạng thô là diệt phiền não. Đối với hạng trung bình, Bồ-tát đối trị bằng cách khuất phục, ví như kẻ quá nhiều tham dục thì Bồ-tát đối trị bằng pháp quán bất tịnh, cho đến dập tắt tất cả mọi sự đảo điên. Cả bốn thứ điên đảo cũng diệt như thế. Để đối trị với phiền não thô bạo, Bồ-tát áp dụng bốn niệm xứ cho đến tám đạo chân chánh.

Đối với hạng trung bình thì Bồ-tát đối trị bằng phương pháp hàng phục.

Phiền não thô bạo ở đây là các hành động tham dục v.v... trong cảnh giới hiện tại, đổi thay thành hạng trung bình, nên biết.

Hành động ở đây là dùng trí thế gian quán sát cảnh giới mình, nhằm đề phòng phiền não ô nhiễm v.v...

Tánh tham lam được khuất phục xong, làm cho tánh hạnh được trong sạch. Tánh hạnh ở đây khác biệt với tánh hạnh trung bình. Người tại gia đa số đều mang tánh hạnh tham lam, giận dữ và si mê. Người xuất gia phần nhiều dựa vào các kiến thức cố chấp, dựa vào thành kiến, dựa vào bất chánh niệm, vào tánh niệm. Phân biệt tánh niệm là nói rộng, lược nói thì có bốn thứ đảo điên:

1. Không phải lĩnh vực giải thoát mà nảy sinh cố chấp ngạo mạn cho là giải thoát.

2. Đối với tham dục, Bồ-tát dùng pháp quán sát bất tịnh để đối trị khiến cho được thanh tịnh. Đối với kẻ giận dữ, dùng từ bi quán để đối trị. Đối với kẻ si mê, đối trị bằng pháp quán nhân duyên.

3. Đối với các kiến chấp, dùng pháp không để đối trị. Ý niệm không chân chánh thuộc về phân biệt, tánh phân biệt giỏi, đối trị bằng vô tướng. Mong muốn thì đối trị bằng vô nguyện.

4. Không phải lĩnh vực giải thoát mà nảy sinh tư tưởng giải thoát, thì dùng chẳng phải không điên đảo để đối trị. Ví dụ: Đây là lĩnh vực thường, thì phiền não trong đó ngăn ngừa chúng thô bạo ra sao? Dựa vào sự tự đối trị, dựa vào cảnh giới ô nhiễm, các việc tham lam, giận dữ, ngu si. Ở trong cảnh giới hiện tại những hành động của tham lam v.v... là tai họa. Tập hợp là nghĩa hành động. Cần diệt hành động đó, nên tu tập các pháp phần Bồ-đề, bốn niệm xứ v.v... Vì tu tập pháp niệm xứ nên được buộc chặt trong chánh niệm.

Đối với ý niệm chưa được buộc chặt, thì tâm khiến cho ý niệm được buộc chặt, nên phải tu hành, nếu không biết đến niệm này, nên tự tâm phát sinh chấp ngã. Tu tập niệm xứ là ràng buộc mọi tâm niệm, rồi tu tập chánh cần, trụ vào như ý túc.

Vì an trụ, nên thân, tâm, dù nam, nữ, do quán sát mà biết nội tại, dẹp trừ phiền não bậc trung. Đem trí hữu lậu, vô lậu tu hành đạo nghiệp, pháp xuất thế gian là đối trị dục vọng, không ham muốn v.v..., đó là dựa vào dục mà đối trị. Không phải căn lực tạo ra kiến chấp mà là ngu dốt về tập hợp nhân duyên và ngu dốt về nhân vô ngã, Bồ-tát sẽ dùng pháp phần Bồ-đề để điều phục chấp đó.

Mọi hoạt động tà đạo hay chánh đạo quyết định sự thành tựu thì hết thấy hình thức có được là tướng thô, phiền não bậc trung, chân chánh đề phòng và hàng phục là đối trị.

Trí sự gọi là trí thế giới. Trí xuất thế gian là gì? Là lĩnh vực hàng phục phiền não, ô nhiễm, tham lam, giận dữ, si mê và hết thấy những kiết sử nhỏ nhiệm phiền não.

Đối với trí sự thì pháp đối trị là gì? Trong đối trị hàng phục trí sự kia có ba lĩnh vực khéo léo để gọi đó là trí duyên vào nhân duyên khéo léo, trí này làm phát sinh niềm tin trong pháp không ngã, không chúng sinh, không thân mạng, không nuôi dạy, không có Phú-già-la, tin chắc nhân vô ngã, không sợ hãi pháp không, không phân biệt. Do tin pháp vô ngã, nên tâm mong cầu phát sinh sức lực tinh tấn, vượt qua hết mọi

phiền não, có bốn pháp đối trị để giáo hóa. Vì không có trí nên không chấp lấy. Ý thức phát sinh tác dụng với trí để quán sát nội tâm: Đồng tướng, tự tướng, tướng nhiễm và tướng tịnh. Không trí thì trong đó có ba thứ tướng, đó là nghĩa đồng tướng, nên biết.

Câu tìm tâm như thế, đâu là tâm đáng ưa, có thể tiêm nhiễm, có thể xấu hổ? Hết thấy quá khứ, vị lai, hiện tại, thì quá khứ gọi là hết, vị lai là thời gian chưa đến, còn hiện tại là ý nghĩ nối nhau không dừng. Trong đây, quá khứ, hiện tại duyên vào mà thành tâm, trái với không giác quán. Hiện tại thì mỗi ý niệm đều không hay biết, các tâm lý tham tự duyên vào nhau mà phát sinh chứ không phải tâm tạo ra chúng v.v... Các tướng của tâm đều là tự tướng, nên biết.

Nầy Ca-diếp! Phật nói: Tâm này không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở khoảng giữa, vì biết tâm như thế nên tìm kiếm tâm không thể được. Như vốn nói giả danh, nói tánh không thể được. Tâm này không có sắc, không có hữu thể, không đứng lại, không có tướng, không ghi nhận, không dính mắc. Như vậy nó như sáu tướng ở trước đã nói. Vì nhận biết được chân như. Tất cả chư Phật đều nói: Đã không thấy, nay không thấy, sẽ không thấy nó, nên tất cả các Thánh đều không do tri kiến mà biết nó, vì các tướng nên tâm có tướng nhiễm, nên biết. Không tùy thuận là vì không tùy thuận, tu hành là vì tu hành, nên tâm như huyễn. Do sự tưởng tượng, ghi nhớ hư vọng, rồi phân biệt phát sinh đủ các nghiệp hành động, nảy sinh sự thọ nhận đủ thứ thân tâm, nhận lãnh sinh ra đủ thứ thân trong các đường. Vì không tùy thuận sự ô nhiễm nên tâm như dòng nước chảy sinh diệt không dừng lại. Trở lại với sự sống kia, là chính mình tùy thuận theo dòng chảy của mỗi ý niệm. Tâm như làn gió bay xa không chụp nắm được, rất khó giữ gìn cho trong sạch trong tất cả ý niệm. Vì thuận theo hành nên tâm như ngọn đèn. Do nhân duyên của hữu và hành nên nước ái thấm nhuần tự tại, vì tùy thuận hành nhiễm, thuận theo điều đã làm để có thể làm, đây là hành nhiễm.

Tâm đi đến chỗ nào cũng như làn điện chớp. Hoặc hưởng hành động đến nơi tạo ra điều thiện, hoặc khi tâm thiện nảy sinh như làn điện, thì tâm như hư không, hoặc hưởng theo hành động không tốt lành, biết như hư không, như khách trần nhiễm phiền não, thì tâm như con vượn. Nếu một mực hưởng về các cảnh giới tham thì tâm như họa sĩ, vì tâm một mực khởi sự hành động tạo ra các nghiệp.

Nầy Ca-diếp! Phật nói: Tâm không nhất định, có thể chạy theo các thứ phiền não. Hoặc hoàn toàn ở trong phiền não, còn có thể hành

động tham dục, giận dữ và si mê, nó không đứng lại mà chạy đi mãi. Tâm như kẻ bộ hành chỉ đi một mình, không có bạn đồng hành. Không phải tâm kia vốn có ô nhiễm tham lam rồi mới có thành tựu xa lìa rồi xa lìa, lìa xa dục rồi lại có tham dục. Giải thích như thế v.v... Nói tâm như vị quốc vương, vì được tất cả pháp tự tại. Trong pháp an vui, vì thành tựu được thế lực tự tại mới tu hành. Tâm như kẻ thù, vì có khả năng nảy sinh tất cả khổ. Bỏ rồi lại ưa, nên có khả năng sinh khổ. Tâm như nhà đựng tro tàn, như lưỡi câu cá (cá mắc câu), như chiêm bao, như ruồi lặn xanh. Do chấp vô ngã, nên có thể tự nảy sinh đau khổ. Vì điên đảo như kẻ thù, nên nó giúp thêm nỗi khổ cho mình mà không biết vừa đủ hay nhằm chán. Tâm như quỷ Dạ-xoa cướp đi năng lực của con người, khiến cho con người phải từ bỏ việc tu tập tốt lành để tìm đến chúng, theo sự sai khiến của chúng.

Tâm như kẻ thù, vì làm điều không tốt lành và hay tìm kiếm các lỗi lầm của người khác, luôn phân biệt cao, thấp, có thế lực, không có thế lực, yêu, ghét đều biết.

Tâm như bọn giặc rất là phóng dăng, điều gì được làm thì không làm, tất cả căn thiện đều có thể bị tiêu tan hết.

Tâm ưa thích các màu sắc v.v... vì cảnh giới sắc rất dễ dính mắc, vì bám dính nên mãi mãi nhớ nghĩ được cảnh giới cam lộ, nhớ nghĩ rồi, thì khó được yên ổn. Do ba thứ tướng, tâm được thanh tịnh, nên biết.

1. Vì được tướng không, nên chẳng phải là tướng hữu vi.

2. Vô tướng.

3. Tánh tướng.

Nầy Ca-diếp! Tâm này mong cầu không thể được. Vì không thể được nên không thể hay biết được tâm đó, thì danh tánh mong tìm không thể được. Vì không thể nắm bắt được, nên tâm kia không thể hay biết. Tâm có như thế, quán sát tướng là nhân của tâm thanh tịnh rồi, thì hành tư duy có khác.

Mong cầu tâm thanh tịnh là không thể được. Tư duy như thế rồi, khiến có thể được, đấy gọi là được tướng không được. Pháp tu hành như thế là tu hành vô ngã, dùng trí tuệ để tu hành xong, là tướng chân như. Tâm dùng trí kiến sau đó mới là tướng chân như. Dùng chín thứ tướng để nói đến tâm. Vì đối trước pháp tướng hữu vi cho nên mới nói là vô vi, nên biết.

Vượt qua ba đời là không phải hành trong ba đời. Vả lại, không phải như nhập định diệt tận, vì tâm đã phát sinh tác dụng rồi lại có thể nảy sinh.

Tâm kia chẳng phải có, chẳng phải không, danh tánh giả tạm, không thể phân biệt đo lường. Dùng tánh chân như có thể đo lường biết được tâm chẳng phải có hai tướng. Tâm không sinh, vì tướng nó là vô sinh.

Tâm kia không tánh, vì nó vượt qua tướng nhân, là tính chất của sự sinh. Nó không phát sinh, vượt qua các sự sinh trong đời vị lai.

Tâm kia không bị tiêu diệt vì nó đã vượt khỏi phần đoạn của cái chết. Tâm không có gì để xa lìa vì vượt qua sự từ bỏ mỗi ý niệm.

Không có gì để xa lìa là trong từng niệm từng niệm, nó vượt qua mọi xa lìa. Không có gì để xa lìa, tức là không đến, không đi, không lui lại, không sinh. Vì đã vượt qua sự chuyển biến của các đường.

Không có hành nghiệp ở đây là vì đã vượt qua nghiệp phiền não. Nếu là vô vi, thì đó là chủng tánh của bậc Thánh.

Tánh tướng ở đây là tướng của cảnh giới vô vi, nên biết.

Vì nhận thấy vô vi kia, nên làm sáng tỏ sự nghiệp của các Thánh. Nhưng trong pháp hiện tại của các Thánh đã vượt qua năm việc. Nếu là tánh của Thánh, thì không có người giữ giới, vì vượt qua mọi việc tạo tá; cũng không có kẻ phá giới, vì vượt qua mọi việc không tạo ra. Vô hành là quá tác hành. Phi vô hành là quá tác phi hành. Phi hành là quá bất hành tác hành, và vượt qua việc hữu vi trong vị lai. Đó là vô tâm, vô tâm sở pháp. Vượt qua lại có sinh, phát khởi hành động. Không có nghiệp là vượt qua hành động hữu vi kia. Không có nghiệp báo là vượt qua ngôi nhà sinh ra.

Pháp vô vi kia không có khổ, cũng không có vui, vì nó đã vượt qua chỗ nương tựa có thể lực, không thể lực của pháp hữu vi. Trong đó không có nghiệp, không phát sinh nghiệp hành động, nhưng trong tánh pháp vô vi kia, không phải do thân tạo ra nghiệp, không phải miệng, không phải do tâm tạo ra. Vì dựa vào nỗi khổ, niềm vui, nên tất cả đều ghi nhận có tác động chuyển biến xê dịch.

Không có nghiệp là nó vượt qua các giới học. Không phát sinh nghiệp hành động là nó vượt qua mọi sự mong muốn. Nhưng không phải do thân v.v... tạo ra nghiệp trong tánh vô vi kia, là vì quá khứ nó không cảm nhận quả báo.

Tánh vô vi cũng không có khác nhau về cao, thấp, trên, dưới. Vì mỗi thứ thân đều đã dựa vào tánh vô vi trong quá khứ. Nhưng tánh vô vi kia có đến chín thứ tướng khác nhau về tánh và tướng. Khi không tịnh, khi tịnh, khi chứng và khi tận diệt. Tánh của vô vi này luôn bình đẳng như hư không, lúc không tịnh thì đẳng chí tất cả tướng, như hư không

bao trùm tất cả sắc, tất cả tướng, chân như cũng thế. Hiện tại khi tịnh, thấy đẳng chí, đấy là thời gian không tịnh. Một tướng là tánh không phân biệt, vì tất cả pháp đều một vị bình đẳng. Đây là tánh vắng lặng xa lìa thân tâm, vắng lặng là khi tịnh, vì một vị và thân tâm đều vắng lặng.

Khi tịnh có hai thứ tướng, nên biết. Tướng vắng lặng này tùy thuận hướng đến cảnh giới Niết-bàn. Tánh thanh tịnh này đã xa lìa mọi phiền não như bản. Vì đã vĩnh viễn chứng ngộ nên tùy thuận, và do thanh tịnh nên tùy thuận hướng về cùng tận đến khi chứng đắc, đấy gọi là khi chứng ngộ.

Tướng ban đầu, tánh không bình đẳng, lìa ngã và ngã sở. Tướng thứ hai vượt qua thân kiến khi chứng.

Tánh này không ác, vừa hư vừa thật, xuất sinh từ bình đẳng, nó vượt qua ác kiến căn bản kia. Trở lại tướng mạo thứ ba của tánh kia thì tánh này là chân thật đệ nhất nghĩa đế.

Đây là nói khi vĩnh viễn cùng tận, thì tánh ấy trụ hoàn toàn. Vì nó thường còn, nên thành tựu các niềm vui, vượt qua ba thứ chuyển biến.

Ba thứ chuyển biến là:

1. Chuyển biến sống chết v.v...
2. Chuyển biến nơi đến.
3. Chuyển biến thanh tịnh bị lùi lại.

Tánh này không cùng tận, hoàn toàn không sinh, vì nó vượt qua sự chuyển biến sống chết v.v..., đấy gọi là thành tựu tướng ban đầu khi tận cùng. Tánh này là thường, lạc, ngã, tịnh. Vì nó vượt qua chuyển biến chỗ điên đảo, rồi trở lại tướng thứ hai trong tánh kia sau khi đã đến mức tận cùng.

Tánh này chân tịnh, từ trước đến nay đều hoàn toàn thanh tịnh, nó đã vượt sự chuyển biến lùi mất thanh tịnh, trở lại tướng thứ ba trong tánh kia khi đã đến mức tận cùng.

Thế nên, cho đến đạo của thế gian, xuất thế gian đều thị hiện sự lợi ích cho người khác, nên Đức Phật nói: Nầy Ca-diếp! Thầy phải tự quán sát mọi tâm, đừng chạy theo bên ngoài. Nầy Ca-diếp! Thậm chí Tỳ-kheo hành đạo, đã phải tùy nơi tâm bị trói buộc mà cầu giải thoát.

Nầy Ca-diếp! Thầy phải tự quán sát bên trong. Theo thứ lớp nào? Như tánh vô vi kia đã làm sáng tỏ sự thanh tịnh của các bậc Thánh. Tánh đó đã được chỉ rõ. Như hôm nay, tùy thuận như bậc Thánh đã sinh. Lời giải đáp kia sẽ được nói rõ hơn.

\* \* \* \* \*